**PHỤ LỤC 4**

**DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CẦN ĐÌNH CHỈ VIỆC THI HÀNH, NGƯNG HIỆU LỰC, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ, BÃI BỎ HOẶC BAN HÀNH MỚI THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ NGOẠI GIAO**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNG ngày /2024)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên loại văn bản** | **Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản** | **Tên gọi của văn bản** | **Nội dung kiến nghị/**  **Lý do kiến nghị** | **Đơn vị chủ trì** |
| **I. LĨNH VỰC BIÊN GIỚI LÃNH THỔ** | | | | | |
| **II. LĨNH VỰC CÔNG TÁC LÃNH SỰ** | | | | | |
| 1 | Nghị định | 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2012 | Về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự. | Sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của Đề án 06[[1]](#footnote-1) và Nghị quyết 116[[2]](#footnote-2) | Bộ Ngoại giao |
| 2 | Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ | 747-TTg ngày 15/11/1995 | Về việc tiếp nhận trở lại công dân Việt Nam không được nước ngoài cho cư trú | Bãi bỏ để áp dụng theo Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019 | Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp |
| 3 | Thông tư liên Bộ của Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao | 04/TTLB ngày 02/6/1988 | Về việc giải quyết cho người Việt Nam có nguyện vọng xuất cảnh đoàn tụ gia đình vì lý do nhân đạo | Bãi bỏ do văn bản không còn áp dụng. Hiện việc xuất cảnh, nhập cảnh của người Việt Nam thực hiện theo Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019 | Bộ Ngoại giao, Bộ Công an |
| 4 | Thông tư | 01/2012/TT-BNG ngày 20/3/2012 | Hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự | Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với Nghị định sửa đổi, bổ sung mộ số điều của Nghị định 111/2011/NĐ-CP | Bộ Ngoại giao |
| **III. LĨNH VỰC CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI** | | | | | |
| 5 | Nghị định | 104/2018/NĐ-CP ngày 08/8/2018 | Quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài | Sửa đổi, bổ sung để tạo cơ sở pháp lý cho việc áp dụng pháp luật liên quan đến quản lý dự án đầu tư xây dựng của CQĐD | Bộ Ngoại giao |
| 6 | Nghị định | 08/2019/NĐ-CP ngày 23/01/2023 | Quy định một số chế độ đối với thành viên cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài | Sửa đổi, bổ sung nhằm khắc phục các khó khăn, vướng mắc, bảo đảm đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất ở CQĐD, chế độ đối với cán bộ CQĐD | Bộ Ngoại giao |
| **IV. LĨNH VỰC CÔNG TÁC NGƯỜI VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI** | | | | | |
| **V. LĨNH VỰC HÀM, CẤP NGOẠI GIAO** | | | | | |
| 7 | Pháp lệnh | 40-L/CTN ngày 12/6/1995 | Hàm, cấp ngoại giao | Ban hành mới Luật Hàm, cấp ngoại giao để phù hợp với Hiến pháp năm 2023 về thẩm quyền quy định hàm, cấp ngoại giao | Bộ Ngoại giao |
| **VI. LĨNH VỰC KÝ KẾT ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ, THỎA THUẬN QUỐC TẾ** | | | | | |
| 8 | Quyết định  của Thủ tướng Chính phủ |  | Ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan trong việc ký kết văn kiện nhân danh ASEAN | Ban hành mới để bảo đảm quy trình phối hợp giữa các cơ quan trong việc ký kết văn kiện nhân danh ASEAN | Bộ Ngoại giao |
| **VII. LĨNH VỰC LỄ TÂN NGOẠI GIAO** | | | | | |
| 9 | Quyết định  của Thủ tướng Chính phủ | 123/2009/QĐ-TTg ngày 15/10/2009 | Ban hành Quy chế tổ chức các chuyến đi công tác nước ngoài của Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ | Thay thế nhằm phù hợp với quy định mới của Đảng về quản lý thống nhất hoạt động đối ngoại | Bộ Ngoại giao |
| 10 | Thông tư | 05/2017/TT-BNG ngày 17/10/2017 | Hướng dẫn về nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài thăm địa phương | Thay thế để phù hợp với Nghị định 18/2022/NĐ-CP về Nghi lễ đối ngoại. | Bộ Ngoại giao |
| **VIII. LĨNH VỰC NGOẠI GIAO PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ** | | | | | |
| 11 | Nghị định | 08/2003/NĐ-CP ngày 10/2/2003 | Quy định về hoạt động của Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài phục vụ phát triển kinh tế | Bãi bỏ do các quy định về công tác ngoại giao kinh tế hiện nay được thực hiện theo Luật Cơ quan đại diện và các văn bản liên quan | Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Bộ Công Thương |
| **IX. LĨNH VỰC NGOẠI VỤ ĐỊA PHƯƠNG** | | | | | |
| **X. LĨNH VỰC THANH TRA NGOẠI GIAO** | | | | | |
| 12 | Thông tư | 06/2016/TT-BNG ngày 11/11/2016 | Hướng dẫn thực hiện Điều 15 Nghị định số 17/2014/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngoại giao | Bãi bỏ do Nghị định số 17/2014/NĐ-CP sẽ hết hiệu lực (bị bãi bỏ bởi Nghị định số 03/2024/NĐ-CP ngày 11/01/2024) | Bộ Ngoại giao |
| **XI. LĨNH VỰC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG** | | | | | |
| 13 | Thông tư | 03/2018/TT-BNG ngày 01/11/2018 | Hướng dẫn thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Ngoại giao | Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với Luật Thi đua, khen thưởng | Bộ Ngoại giao |
| **XII. LĨNH VỰC THÔNG TIN, BÁO CHÍ NƯỚC NGOÀI** | | | | | |
| 14 | Nghị định | 88/2012/NĐ-CP ngày 23/10/2012 | Quy định về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam | Sửa đổi, bổ sung sau khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí được thông qua để phù hợp với các quy định mới | Bộ Ngoại giao |
| 15 | Thông tư | 06/2012/TT-BNG ngày 10/12/2012 | Ban hành biểu mẫu thực hiện một số điều của Nghị định số 88/2012/NĐ-CP ngày 23/10/2012 về hoạt động thông tin, báo chí nước ngoài , cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam | Sửa đổi, bổ sung sau khi Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 88/2012/NĐ-CP được ban hành để phù hợp với các quy định mới | Bộ Ngoại giao |
| **XIII. LĨNH VỰC TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM** | | | | | |
| **XIV. LĨNH VỰC TỔ CHỨC, QUẢN LÝ HỘI NGHỊ, HỘI THẢO QUỐC TẾ** | | | | | |
| 16 | Quyết định  của Thủ tướng Chính phủ | 06/2020/QĐ-TTg ngày 21/02/2020 | Về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam | Sửa đổi, bổ sung để khắc phục các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện và hoàn thiện Quyết định số 1015/QĐ-TTg | Bộ Ngoại giao |
| **XV. LĨNH VỰC VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC HỢP TÁC, NGHIÊN CỨU CỦA NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM** | | | | | |
| **XVI. LĨNH VỰC TỔ CHỨC CÁN BỘ** | | | | | |
| **XVII. LĨNH VỰC ƯU ĐÃI, MIỄN TRỪ NGOẠI GIAO** | | | | | |
| 17 | Pháp lệnh | 25-L/CTN ngày 23/8/1993 | Về quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam | Ban hành mới Luật điều chỉnh về Ưu đãi, miễn trừ ngoại giao | Bộ Ngoại giao |
| **XVIII. LĨNH VỰC VĂN HÓA ĐỐI NGOẠI** | | | | | |
| **XIX. CÁC LĨNH VỰC KHÁC** | | | | | |

1. Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 – 2025, tâm nhìn đến năm 2030 [↑](#footnote-ref-1)
2. Nghị quyết số 166/NQ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao [↑](#footnote-ref-2)